

**1 INTRODUCTION****GIỚI THIỆU**

- 1.1 A copy of these Terms and all other documents which apply to the Customer's purchase of training are available for the Customer to read at <http://www.bsigroup.com/en-VN/About-BSI/Legal-information/Terms-and-conditions-for-training-courses/>.  
*Một bản sao của Các Điều Khoản này và tất cả các tài liệu khác áp dụng cho việc Khách Hàng mua khóa đào tạo có sẵn để Khách Hàng đọc tại <http://www.bsigroup.com/en-VN/About-BSI/Legal-information/Terms-and-conditions-for-training-courses/>.*
- 1.2 If the Customer is a consumer (i.e. not purchasing the Training in the course of business, trade or profession, herein "**consumer**") then nothing in these Terms will affect its statutory rights. If the Customer has any questions or complaints about the Training, please contact BSI.  
*Nếu Khách Hàng là người tiêu dùng (nghĩa là không mua Khóa Đào Tạo trong quá trình kinh doanh, thương mại hay làm việc, sau đây gọi là "**người tiêu dùng**") thì không có nội dung nào trong Các Điều Khoản này sẽ ảnh hưởng đến các quyền luật định của Khách Hàng. Nếu Khách Hàng có bất kì câu hỏi hay khiếu nại nào về Khóa Đào Tạo, vui lòng liên hệ BSI.*

**2 DEFINITION AND INTERPRETATION****ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**

In these Terms, unless the context otherwise requires, the following expressions shall have the following meanings:

*Trong Các Điều Khoản này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác, các từ ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:*

**Acknowledgement E-mail** has the meaning assigned to it at clause 3.3.

*Email Ghi Nhận* có nghĩa như được quy định tại khoản 3.3.

**Agreement** refers to a contract between the Customer and BSI for the purchase of Training, on the terms set out in the Booking Form and incorporating these Terms.

*Thỏa Thuận* đề cập đến hợp đồng giữa Khách Hàng và BSI để mua Khóa Đào Tạo, theo các điều khoản được nêu trong Mẫu Đăng Kí và kết hợp Các Điều Khoản này.

**Booking Form** refers to the In-House Training Booking Form or the Public Training Booking Form, in each case submitted by the Customer to BSI containing the details of the Customer and the Delegate(s) (if applicable), including contact details, billing information, as well as the Training requested.

*Mẫu Đăng Kí* đề cập đến Mẫu Đăng Kí Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp hoặc Mẫu Đăng Kí Khóa Đào Tạo Mở rộng, trong từng trường hợp do Khách Hàng gửi cho BSI có chứa thông tin chi tiết về Khách Hàng và (những) Học viên (nếu có), bao gồm chi tiết liên hệ, thông tin thanh toán, cũng như Khóa Đào Tạo được yêu cầu.

**BSI** refers to the BSI entity stated in the Booking Form.

*BSI* đề cập đến tổ chức BSI được nêu trong Mẫu Đăng Kí.

**Business Day** refers to a day other than a Saturday, Sunday or public holiday in Territory, when banks in the Territory are open for business.

*Ngày Làm Việc* đề cập đến ngày không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ trong Lãnh Thổ, khi các ngân hàng trong Lãnh Thổ mở cửa hoạt động.

**Charges** refers to the charges payable by the Customer for the Training in accordance with clause 6 (*Charges and Payment*).

*Các Khoản Phí* đề cập đến các khoản phí mà Khách Hàng phải trả cho Khóa Đào Tạo theo khoản 6 (*Các Khoản Phí và Thanh Toán*).

**Consumer** has the meaning assigned to it at clause 1.2.

*Người Tiêu Dùng* có nghĩa như được quy định tại khoản 1.2.

**Course Confirmation E-mail** has the meaning assigned to it at clause 3.4.

**Email Xác Nhận Khóa Đào Tạo** có nghĩa như được quy định tại khoản 3.4.

**Customer** refers to the person who is purchasing the Training from BSI.

**Khách Hàng** đề cập đến người mua Khóa Đào Tạo từ BSI.

**Delegate(s)** refers to the individual(s) attending the Training, which may be the Customer.

**(Những) Học viên** đề cập đến (các) cá nhân tham gia Khóa Đào Tạo, (các) cá nhân đó có thể là Khách Hàng.

**In-House Training** refers to training that is conducted for the Customer online or at a physical location of the Customer's choice (and accepted by BSI), and the training will be for a minimum number of Delegates.

**Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp** đề cập đến khóa đào tạo được thực hiện cho Khách Hàng trực tuyến hoặc tại địa điểm thực tế theo lựa chọn của Khách Hàng (và được BSI chấp nhận), và khóa đào tạo sẽ dành cho một số lượng Học viên tối thiểu.

**In-House Training Booking Form** refers to the hard-copy or soft-copy document (also referred to as a 'proposal') for booking In-House Training.

**Mẫu Đăng Ký Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp** đề cập đến tài liệu bản cứng hoặc bản mềm (còn được gọi là 'đề xuất') để đăng ký Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp**.

**Public Training** refers to training that is available to members of the public, including the Customer, either at a physical location or online, as detailed in the description of the Training.

**Khóa Đào Tạo Mở rộng** đề cập đến khóa đào tạo dành cho các thành viên của cộng đồng, bao gồm Khách Hàng, tại một địa điểm thực tế hoặc trực tuyến, như được nêu chi tiết trong mô tả của Khóa Đào Tạo.

**Public Training Booking Form** refers to the electronic document found online for booking Public Training.

**Mẫu Đăng Ký Khóa Đào Tạo Mở rộng** đề cập đến văn bản điện tử trực tuyến để đăng ký Khóa Đào Tạo Mở rộng.

**Terms** refers to these terms and conditions of purchase, together with the BSI privacy policy available at <https://www.bsigroup.com>.

**Các Điều khoản** đề cập đến các điều khoản và điều kiện mua này, cùng với chính sách quyền riêng tư của BSI có sẵn tại <https://www.bsigroup.com>.

**Territory** refers to the country or territory where BSI is established, as set out in the Booking Form.

**Lãnh Thổ** đề cập đến quốc gia hoặc lãnh thổ nơi BSI được thành lập, như được nêu trong Mẫu Đăng Ký.

**Training** refers to training services provided by BSI to the Customer, which is conducted either at a physical location or online.

**Khóa Đào Tạo** đề cập đến các dịch vụ đào tạo do BSI cung cấp cho Khách Hàng, được tiến hành tại một địa điểm thực tế hoặc trực tuyến.

**Training Materials** refers to any materials or documents provided or loaned by BSI to the Delegate(s), and includes both hard copies, soft copies and downloadable soft copy materials.

**Tài Liệu Đào Tạo** đề cập đến bất kỳ tài liệu hoặc văn bản nào do BSI cung cấp cho (những) Học viên hoặc cho (những) Học viên mượn, và bao gồm cả các bản cứng, bản mềm và các tài liệu dạng bản mềm có thể tải về.

### **3 MAKING A BOOKING**

#### **ĐĂNG KÍ**

- 3.1 **Booking Public Training.** To book Public Training, the Customer must complete and submit the online Public Training Booking Form, and specify the Public Training that the Delegate(s) requires. Advance payment of the Charges may be required at the point of submission in order to reserve a place in the Public Training.

**Đăng Ký Khóa Đào Tạo Mở rộng.** Để đăng ký Khóa Đào Tạo Mở rộng, Khách Hàng phải hoàn thành và nộp trực tuyến Mẫu Đăng Ký Khóa Đào Tạo Mở rộng, và ghi rõ Khóa Đào Tạo Mở rộng mà (những) Học viên yêu cầu. Việc thanh toán trước Các Khoản Phí có thể được yêu cầu vào thời điểm nộp để giữ chỗ trong Khóa Đào Tạo Mở rộng.

- 3.2 **Booking In-House Training.** To book In-House Training, the Customer must accept In-House Training Booking Form, which specifies the In-House Training that the Delegate(s) requires. Once the booking has been accepted in accordance with clause 3.3, instructions on making payment for the Charges will be sent to the Customer.

**Đăng Ký Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp.** Để đăng ký Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp**, Khách Hàng phải chấp nhận Mẫu Đăng Ký Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** có ghi rõ Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** mà (những) Học viên yêu cầu. Một khi việc đăng ký được chấp nhận theo khoản 3.3, các hướng dẫn về việc thực hiện thanh toán Các Khoản Phí sẽ được gửi cho Khách Hàng.

- 3.3 **Acknowledgement of Booking.** After the Customer has submitted the Booking Form, BSI will acknowledge receipt by e-mail, which will contain key information about the relevant Training (the "**Acknowledgement E-mail**"). This does not mean that BSI has accepted the booking, and BSI will contact the Customer if the Customer's booking has been rejected at any time, which may be because: (a) an incomplete Booking Form has been submitted, or (b) a Booking Form has been submitted with changes made to the terms and conditions, or (c) an In-House Training Booking Form has not been signed and returned in time, or (d) the Delegate(s) do not meet the minimum requirements (such as age) or possess the relevant prerequisites (such as qualifications) for the Training, or (e) for Public Training, the minimum number required for BSI to conduct the Public Training has not been met.

**Ghi Nhận Đăng Ký.** Sau khi Khách Hàng nộp Mẫu Đăng Ký, BSI sẽ báo đã nhận được bằng email có chứa các thông tin chính của Khóa Đào Tạo liên quan ("**Email Ghi Nhận**"). Điều này không có nghĩa là BSI đã chấp nhận việc đăng ký, và BSI sẽ liên hệ Khách Hàng nếu việc đăng ký của Khách Hàng bị từ chối vào bất kì lúc nào, có thể bởi vì: (a) Mẫu Đăng Ký đã nộp chưa hoàn chỉnh; hoặc (b) Mẫu Đăng Ký đã nộp với những thay đổi được thực hiện đối với các điều khoản và điều kiện; hoặc (c) Mẫu Đăng Ký Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** chưa được ký và gửi lại đúng hạn; hoặc (d) (những) Học viên không đáp ứng các yêu cầu tối thiểu (như độ tuổi) hoặc không có các điều kiện tiên quyết liên quan (như bằng cấp) cho Khóa Đào Tạo; hoặc (e) đối với Khóa Đào Tạo Mở rộng, không đạt số lượng tối thiểu cần có để BSI thực hiện Khóa Đào Tạo Mở rộng.

- 3.4 **Acceptance of Booking.**  
**Chấp Nhận Đăng Ký.**

- (a) Once a booking is accepted, an email will be sent by BSI to the Customer, containing details of the Training including Training date(s) and time, instructions on how the Delegate(s) will attend the Training, and any other information that may be necessary, which will form part of the Agreement ("**Course Confirmation E-mail**").  
*Một khi việc đăng ký được chấp nhận, một email sẽ được BSI gửi cho Khách Hàng, có các chi tiết về Khóa Đào Tạo bao gồm (các) ngày và thời gian của Khóa Đào Tạo, các hướng dẫn về làm thế nào để (những) Học viên tham dự Khóa Đào Tạo, và bất kì thông tin cần thiết nào khác, mà sẽ tạo thành một phần của Thỏa Thuận ("**Email Xác Nhận Khoá Đào Tạo**").*
- (b) If the Charges have not been paid at this point, BSI will provide instructions on how to make payment.  
*Nếu Các Khoản Phí chưa được thanh toán vào thời điểm này, BSI sẽ cung cấp các hướng dẫn về cách thức thực hiện thanh toán.*
- (c) If the Customer does not receive the Course Confirmation E-mail one week before the commencement of the Training or if the Customer has any questions, please contact BSI.  
*Nếu Khách Hàng không nhận được Email Xác Nhận Khoá Đào Tạo một tuần trước khi bắt đầu Khóa Đào Tạo hoặc nếu Khách Hàng có bất kì câu hỏi nào, vui lòng liên hệ BSI.*
- (d) Once BSI has sent the Course Confirmation E-mail, a legally binding contract will be formed between BSI and the Customer and BSI will be required to provide the Training.  
*Một khi BSI đã gửi Email Xác Nhận Khoá Đào Tạo, một hợp đồng mang tính ràng buộc pháp lí sẽ được hình thành giữa BSI và Khách Hàng và BSI sẽ phải cung cấp Khóa Đào Tạo.*

## 4 SUPPLY OF THE TRAINING

### CUNG CẤP KHÓA ĐÀO TẠO

- 4.1 BSI shall use reasonable endeavours to supply the Training to the Delegate(s) in accordance with

these Terms in all material respects but reserves the right to change the content of any Training or Training Materials at any time and without notice.

*BSI sẽ sử dụng các nỗ lực hợp lý để cung cấp Khóa Đào Tạo cho (những) Học viên theo Các Điều Khoản này trong mọi phương diện quan trọng nhưng bảo lưu quyền thay đổi nội dung của bất kì Khóa Đào Tạo hoặc Tài Liệu Đào Tạo vào bất kì lúc nào và không có thông báo.*

- 4.2 BSI shall use reasonable endeavours to meet any specified training dates, but any such dates are subject to change.

*BSI sẽ sử dụng các nỗ lực hợp lý để đáp ứng những ngày đào tạo đã ghi, nhưng bất kì những ngày nào như vậy cũng có thể thay đổi.*

- 4.3 BSI reserves the right to cancel or postpone the Training at any time, without incurring additional liability to the Customer. Unless the Customer agrees to the proposed dates for the postponed Training, if BSI is not able to supply the Training on the agreed date it shall notify the Customer, cancel the booking and offer (at BSI's sole discretion) a full refund or a credit note.

*BSI bảo lưu quyền hủy hoặc hoãn Khóa Đào Tạo vào bất kì lúc nào, mà không phải chịu thêm trách nhiệm đối với Khách Hàng. Trừ khi Khách Hàng đồng ý với những ngày được đề xuất do Khóa Đào Tạo bị hoãn, nếu BSI không thể cung cấp Khóa Đào Tạo vào ngày đã đồng ý, BSI sẽ thông báo với Khách Hàng, hủy việc đăng kí và đề xuất (theo quyết định riêng của BSI) việc hoàn đủ tiền hoặc chứng từ ghi nhận khoản tiền đã thanh toán cho việc sử dụng dịch vụ/sản phẩm của BSI sau này.*

## 5 CUSTOMER'S OBLIGATIONS

### **NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG**

- 5.1 The Customer shall:

*Khách Hàng phải:*

- (a) provide reasonable co-operation with BSI in all matters relating to the Training; and  
*cung cấp sự hợp tác hợp lý với BSI trong tất cả những vấn đề liên quan đến Khóa Đào Tạo; và*
- (b) provide BSI, its employees, agents, consultants and subcontractors, with any information which may be required by BSI in the organisation of the Training, including, but not limited to, details in respect of the Delegate(s) and ensuring that such information is complete and accurate in all material respects.

*cung cấp cho BSI, những người lao động, đại lý, bên tư vấn và các nhà thầu phụ của BSI, bất kì thông tin nào mà BSI yêu cầu trong việc tổ chức Khóa Đào Tạo, bao gồm nhưng không giới hạn, chi tiết về (những) Học viên và đảm bảo rằng thông tin đó là đầy đủ và chính xác về mọi phương diện quan trọng.*

- 5.2 Without the express written permission from BSI, the Customer shall not, and, where applicable, shall ensure that the Delegate(s) does not:

*Không có sự cho phép rõ ràng bằng văn bản từ BSI, Khách Hàng sẽ không, và, nếu có, phải đảm bảo rằng (những) Học viên không:*

- (a) record the Training in any way;  
*ghi lại Khóa Đào Tạo dưới bất kì hình thức nào;*
- (b) reproduce, scan or copy, alter, modify, translate (in each case, whether in whole or in part) the Training Materials except for the sole purpose of completing the Training; or  
*sao chép lại, scan hoặc tạo bản sao, thay thế, chỉnh sửa, dịch (trong từng trường hợp, cho dù là toàn bộ hay một phần) Tài Liệu Đào Tạo trừ khi cho mục đích duy nhất là hoàn thành Khóa Đào Tạo; hoặc*
- (c) permit the Training Materials (whether in whole or in part) to be reproduced, scanned, copied, combined with or become incorporated into any other materials.

*cho phép Tài Liệu Đào Tạo (cho dù là toàn bộ hay một phần) được sao chép lại, scan, tạo bản sao, kết hợp với hoặc trở thành một phần của bất kì tài liệu nào khác.*

- 5.3 For Training delivered online, the Customer shall ensure that it or, if applicable, the Delegate(s):

*Đối với Khóa Đào Tạo được cung cấp trực tuyến, Khách Hàng phải đảm bảo rằng Khách Hàng hoặc, nếu có, (những) Học viên:*

- (a) is able to meet the basic technical system requirements for hardware and software as may be prescribed by BSI from time to time; and

*có thể đáp ứng các yêu cầu hệ thống kĩ thuật cơ bản về phần cứng và phần mềm mà có thể được*

đưa ra bởi BSI theo từng thời điểm; và

- (b) does not upload any content that infringes upon the rights of third parties, are in contravention of applicable law, or would lead to BSI being in contravention of applicable law.  
*không tải lên bất kì nội dung nào mà vi phạm quyền của các bên thứ ba, trái với pháp luật áp dụng, hoặc khiến BSI làm trái pháp luật áp dụng.*

- 5.4 Where Training is being delivered at the Customer's (or, if applicable, a Delegate's) premises, the Customer (or, if applicable, the Delegate) shall provide BSI with: (a) access, training space and any equipment necessary for the delivery of the Training; and (b) such facilities as are reasonably notified to the Customer (or, if applicable, the Delegate) in advance.  
*Trường hợp Khóa Đào Tạo được cung cấp tại các cơ sở của Khách Hàng (hoặc, nếu có, tại các cơ sở của Học viên), Khách Hàng (hoặc, nếu có, Học viên) phải cung cấp cho BSI: (a) quyền ra vào, nơi đào tạo và bất kì thiết bị nào cần thiết cho việc cung cấp Khóa Đào Tạo; và (b) những tiện ích này được thông báo trước một cách hợp lí cho Khách Hàng (hoặc, nếu có, Học viên).*

## 6 CHARGES AND PAYMENT

### CÁC KHOẢN PHÍ VÀ THANH TOÁN

- 6.1 The Customer shall pay any invoice issued by BSI within 30 calendar days of the date of the invoice or prior to the Training taking place whichever is earlier, to a bank account provided on the invoice by BSI. For Bookings completed online, the Customer shall make payment in accordance with the directions provided on the website to BSI, in the absence of which payment shall be made within 30 calendar days of the date of the invoice or prior to the Training taking place whichever is earlier.  
*Khách Hàng phải thanh toán bất kì hóa đơn nào được phát hành bởi BSI trong vòng 30 ngày dương lịch từ ngày của hóa đơn hoặc trước khi Khóa Đào Tạo diễn ra, tùy theo trường hợp nào đến sớm hơn, vào tài khoản ngân hàng được cung cấp trên hóa đơn bởi BSI. Đối với những Đăng Ký đã hoàn thành trực tuyến, Khách Hàng phải thanh toán cho BSI theo các hướng dẫn được cung cấp trên trang web của BSI, trong trường hợp không có hướng dẫn này thì việc thanh toán phải được thực hiện trong vòng 30 ngày dương lịch từ ngày của hóa đơn hoặc trước khi Khóa Đào Tạo diễn ra, tùy theo trường hợp nào đến sớm hơn.*
- 6.2 Notwithstanding clause 6.1, where the Booking is made less than 7 calendar days away from the date of Training, payment is due immediately.  
*Bất kể khoản 6.1, khi Đăng Ký được thực hiện ít hơn 7 ngày dương lịch trước ngày của Khóa Đào Tạo, việc thanh toán phải được thực hiện ngay lập tức.*
- 6.3 Failure by the Customer to pay any Charges when they fall due may (at BSI's discretion) result in:  
*Việc Khách Hàng không thanh toán bất kì Các Khoản Phí nào khi chúng đến hạn thanh toán có thể (theo quyết định của BSI) dẫn đến:*
- (a) the allocation of the Delegate's place in the Training to others;  
*việc phân bổ vị trí của Học viên trong Khóa Đào Tạo cho người khác;*
  - (b) BSI cancelling its Agreement with the Customer to provide the Training without incurring any liability; and/or  
*BSI hủy Thỏa Thuận cung cấp Khóa Đào Tạo với Khách Hàng mà không chịu bất kì trách nhiệm nào; và/hoặc*
  - (c) if the training has already been delivered to the Delegate(s), BSI withholding certifications that are due to the Customer having completed the Training.  
*nếu khóa đào tạo đã được cung cấp cho (những) Học viên, BSI giữ lại các chứng nhận dành cho Khách Hàng đã hoàn thành Khóa Đào Tạo.*
- 6.4 Without prejudice to any other right or remedy that it may have, if the Customer fails to pay BSI any sum due under this Agreement on the due date the Customer shall pay interest on the overdue sum from the due date until payment of the overdue sum, whether before or after judgment. Interest under this clause will accrue each day at 4% a year or the highest rate allowed under the law, whichever is lower.  
*Không làm ảnh hưởng đến bất kì quyền hay biện pháp khắc phục nào có thể có, nếu Khách Hàng không thanh toán cho BSI bất kì khoản tiền đến hạn theo Thỏa Thuận này vào ngày đến hạn, Khách Hàng phải thanh toán tiền lãi trên khoản tiền quá hạn kể từ ngày đến hạn cho đến khi thanh toán xong khoản tiền quá hạn đó, dù trước hoặc sau phán quyết. Tiền lãi theo khoản này sẽ được cộng dồn mỗi ngày ở mức 4% một năm hoặc mức lãi suất cao nhất được phép theo pháp luật, tùy theo mức lãi suất nào thấp hơn.*

6.5 All sums payable to BSI under this Agreement:

*Tất cả các khoản tiền phải thanh toán cho BSI theo Thỏa Thuận này:*

(a) are exclusive of goods and services tax, sales and services tax, value-added tax, and other like taxes (but not including such taxes levied on BSI as corporate income taxes), and the Customer shall in addition pay an amount equal to any taxes chargeable on those sums; and

*không bao gồm thuế dịch vụ và hàng hóa, thuế dịch vụ và bán hàng, thuế giá trị gia tăng, và các khoản khác như thuế (nhưng không bao gồm thuế đánh vào BSI như thuế thu nhập doanh nghiệp), và Khách Hàng phải thanh toán thêm một khoản tương đương với bất kì khoản thuế nào phải chịu trên tất cả các khoản tiền phải thanh toán đó; và*

(b) shall be paid in full without any set-off, counterclaim, deduction or withholding (other than any deduction or withholding of tax as required by law).

*phải được thanh toán đầy đủ mà không có bất kì sự cản trở, đòi bồi hoàn, khấu trừ hoặc giữ lại nào (ngoài bất kì sự khấu trừ hoặc giữ lại khoản thuế nào theo quy định của pháp luật).*

6.6 Whilst BSI takes reasonable care and skill to ensure that the prices of the Training are correct, mistakes may sometimes be made. If a mistake is discovered in the price of the Training that has been booked by the Customer, BSI will notify the Customer and the Customer may either (a) reconfirm the booking at the correct price, or (b) cancel the booking. In this instance, if BSI notifies the Customer and does not receive a response, the booking will be cancelled.

*Trong khi BSI có sự cẩn thận và kĩ năng hợp lí để đảm bảo rằng giá của Khóa Đào Tạo là chính xác, sai sót đôi khi có thể xảy ra. Nếu có sai sót được phát hiện trong giá của Khóa Đào Tạo đã được đăng kí bởi Khách Hàng, BSI sẽ thông báo cho Khách Hàng và Khách Hàng có thể hoặc (a) xác nhận lại việc đăng kí theo giá chính xác, hoặc (b) hủy việc đăng kí. Trong trường hợp này, nếu BSI thông báo cho Khách Hàng và không nhận được phản hồi, việc đăng kí sẽ bị hủy.*

## 7 CANCELLATION

### HỦY BỎ

7.1 **Public Training.** The Customer may cancel its registration for a Public Training on 30 calendar days' written notice to BSI. Public Training may not be cancelled within 30 days of the start date of the Public Training.

***Khóa Đào Tạo Mở rộng.** Khách Hàng có thể hủy đăng kí đối với Khóa Đào Tạo Mở rộng bằng thông báo bằng văn bản trước 30 ngày dương lịch cho BSI. Khóa Đào Tạo Mở rộng không được hủy trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu của Khóa Đào Tạo Mở rộng.*

7.2 **In-House Training.** The Customer may cancel or postpone the In-House Training by giving no less than 30 calendar days before the In-House Training by giving written notice to BSI at the email set out in the Acknowledgement E-mail. In-House Training may not be cancelled or rescheduled within 15 calendar days of the start date of the In-House Training. Where In-House Training is postponed, it shall be within 60 calendar days of the original date. The Customer may substitute any Delegate by giving no less than 15 calendar days before the In-House Training by giving written notice to BSI at the email set out in the Acknowledgement E-mail.

***Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp.** Khách Hàng có thể hủy hoặc hoãn Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** không ít hơn 30 ngày dương lịch trước Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho BSI đến địa chỉ email được nêu trong Email Ghi Nhận. Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** không được hủy hoặc xếp lịch lại trong vòng 15 ngày dương lịch kể từ ngày bắt đầu của Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp**. Trường hợp Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** bị hoãn, thời gian sẽ là trong vòng 60 ngày dương lịch kể từ ngày ban đầu. Khách Hàng có thể thay thế bất kì Học viên nào không ít hơn 15 ngày dương lịch trước Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho BSI đến địa chỉ email được nêu trong Email Ghi Nhận.*

7.3 If the Customer is exercising its right to cancel the Training in accordance with clauses 7.1 and 7.2 above, BSI may deduct from any refund an amount for the supply of the Training for the period for which it was supplied, ending with the time when the Customer notified BSI of its wish to cancel. The amount deducted will be in proportion to the Training already provided, in comparison with the full Training agreed to be provided. Where Training Materials have been sent to the Delegate(s) for Training delivered online, the Training may not be rescheduled and the Charges for such Training is non-refundable.

*Nếu Khách Hàng thực hiện quyền của mình để hủy Khóa Đào Tạo theo các khoản 7.1 và 7.2 trên, BSI có thể khấu trừ từ bất kì khoản hoàn trả nào một số tiền cho việc cung cấp Khóa Đào tạo cho khoảng*

thời gian mà nó được cung cấp, kết thúc vào thời điểm Khách Hàng thông báo cho BSI về mong muốn hủy. Số tiền được khấu trừ sẽ tương ứng với Khóa Đào Tạo đã được cung cấp, so với toàn bộ Khóa Đào Tạo đã đồng ý cung cấp. Trong trường hợp Tài Liệu Đào Tạo đã được gửi tới (những) Học viên để Khóa Đào Tạo được cung cấp trực tuyến, thì Khóa Đào Tạo không được xếp lịch lại và Các Khoản Phí cho Khóa Đào Tạo đó sẽ không được hoàn lại.

7.4 **Consumer Cancellation Rights.** This clause applies only to a Customer who is also a consumer (i.e. not purchasing the Training in the course of business, trade or profession):

**Quyền Hủy Bỏ Của Người Tiêu Dùng.** Khoản này chỉ áp dụng đối với Khách Hàng đồng thời là người tiêu dùng (nghĩa là không mua Khóa Đào Tạo trong quá trình kinh doanh, thương mại hay làm việc):

(a) Without prejudice to the rights in clauses 7.1 and 7.2, the Customer has a right to cancel its order for the Training within 14 calendar days without giving any reason. The cancellation period will expire after 14 calendar days from the date on which the Course Confirmation E-mail was received.

*Không làm ảnh hưởng đến các quyền tại các khoản 7.1 và 7.2, Khách Hàng có quyền hủy đơn đặt Khóa Đào Tạo trong vòng 14 ngày dương lịch mà không cần đưa ra bất kì lí do nào. Thời gian hủy sẽ hết hạn sau 14 ngày dương lịch kể từ ngày nhận được Email Xác Nhận Khóa Đào Tạo.*

(b) If the Customer decides to cancel the Training in accordance with clause 7.4(a), BSI will reimburse the Customer for all Charges which BSI has received from the Customer in relation to such Training. However, if the Customer has booked the Training to begin during the 14 day cancellation period and later decides to cancel, the Customer shall be liable to pay for the full costs of the Training.

*Nếu Khách Hàng quyết định hủy Khóa Đào Tạo theo khoản 7.4(a), BSI sẽ hoàn trả cho Khách Hàng tất cả Các Khoản Phí mà BSI đã nhận từ Khách Hàng liên quan đến Khóa Đào Tạo đó. Tuy nhiên, nếu Khách Hàng đã đăng kí Khóa Đào Tạo để bắt đầu trong thời gian hủy 14 ngày và sau đó quyết định hủy, Khách Hàng phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí của Khóa Đào Tạo.*

(c) If the Customer wishes to cancel the Training, the Customer must inform BSI of its decision to cancel the Training by a clear statement sent by post or e-mail, which shall include the Customer's name, address, training name, training date, and other such detail as relevant in order for BSI to determine the relevant booking information.

*Nếu Khách Hàng muốn hủy Khóa Đào Tạo, Khách Hàng phải thông báo cho BSI về quyết định hủy Khóa Đào Tạo của mình bằng một tuyên bố rõ ràng được gửi qua đường bưu điện hoặc e-mail, bao gồm tên, địa chỉ, tên khóa đào tạo, ngày đào tạo của Khách Hàng và các chi tiết khác có liên quan để BSI xác định thông tin đăng kí có liên quan.*

(d) To meet the cancellation deadline, it is sufficient for the Customer to send its notice of cancellation before the cancellation period has expired. If the Customer sends BSI a notice of cancellation by post, BSI advises the Customer to keep proof of postage.

*Để đáp ứng thời hạn hủy, Khách Hàng chỉ cần gửi thông báo hủy trước khi hết thời hạn hủy. Nếu Khách Hàng gửi cho BSI thông báo hủy qua đường bưu điện, thì BSI khuyên Khách Hàng nên giữ lại bằng chứng về bưu phí.*

(e) BSI will make the reimbursement without undue delay, and no later than 14 calendar days after the day on which BSI are informed about the Customer's decision to cancel the booking, or 30 calendar days after the date BSI receives back from the Customer any Training Materials supplied to the Customer, whichever is later.

*BSI sẽ thực hiện việc hoàn trả mà không có sự chậm trễ quá mức và không quá 14 ngày dương lịch sau ngày BSI được thông báo về quyết định hủy đăng kí của Khách Hàng hoặc 30 ngày dương lịch sau ngày BSI nhận lại từ Khách Hàng Tài Liệu Đào Tạo đã được cung cấp cho Khách Hàng, tùy theo trường hợp nào đến sau.*

(f) BSI will make the reimbursement using the same means of payment as the Customer used for the initial transaction, and unless the Customer has expressly agreed otherwise, the Customer will not incur any fees as a result of the reimbursement. BSI may withhold reimbursement until it has received any Training Materials back or the Customer has supplied evidence of having sent the Training Materials back, whichever is the earliest.

*BSI sẽ hoàn trả bằng cách sử dụng cùng phương thức thanh toán mà Khách Hàng đã sử dụng cho giao dịch ban đầu, và trừ khi Khách Hàng có thỏa thuận rõ ràng khác, Khách Hàng sẽ không phải chịu bất kì khoản phí nào do việc hoàn trả. BSI có thể giữ lại khoản hoàn trả cho đến khi nhận lại được Tài Liệu Đào Tạo hoặc Khách Hàng đã cung cấp bằng chứng về việc đã gửi lại Tài Liệu Đào Tạo, tùy theo thời điểm nào đến sớm nhất.*

- 7.5 Where a Delegate fails to attend all or part of any Training, full payment of the Charges shall be required and there will be no refunds.

*Trường hợp Học viên không tham dự tất cả hoặc một phần của bất kì Khóa Đào Tạo nào, Các Khoản Phí phải được thanh toán đầy đủ và sẽ không được hoàn lại.*

## **8 INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS**

### ***QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ***

- 8.1 All intellectual property rights in or arising out of or in connection with the Training, including any associated Training Materials shall remain the property of BSI or its licensor. BSI grants the Delegates a perpetual, non-exclusive, non-transferable royalty-free licence to use the Training Materials solely for the purpose of receiving the Training and personal academic use. The Customer shall not, and shall ensure that the Delegate(s) does not, in respect of the Training Materials: (a) commercially exploit it, (b) sublicense it to any third party, or (c) use it for the benefit of any other persons.

*Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ trong hoặc phát sinh từ hoặc liên quan đến Khóa Đào Tạo, bao gồm mọi Tài Liệu Đào Tạo liên quan sẽ vẫn là tài sản của BSI hoặc người cấp quyền cho BSI. BSI cấp quyền cho những Học viên trên cơ sở miễn phí tiền bản quyền vĩnh viễn, không độc quyền, không thể chuyển nhượng để sử dụng Tài Liệu Đào Tạo chỉ cho mục đích nhận Khóa Đào Tạo và mục đích học tập cá nhân. Khách Hàng không được và phải đảm bảo rằng (những) Học viên không, đối với Tài Liệu Đào Tạo: (a) khai thác nó vì mục đích thương mại, (b) cấp quyền lại nó cho bất kì bên thứ ba nào, hoặc (c) sử dụng nó vì lợi ích của bất kì người nào khác.*

- 8.2 As between the parties, the Customer shall own all right, title and interest in and to all of the Customer's data.

*Giữa các bên, Khách Hàng sẽ sở hữu tất cả quyền, tư cách và lợi ích trong và đối với tất cả dữ liệu của Khách Hàng.*

- 8.3 For purposes of this clause 8, "intellectual property rights" means patents, trademarks, trade names, design rights, copyright, confidential information, rights in know-how and other intellectual property rights, in each case whether registered or unregistered and including applications for the grant of any of the foregoing and all rights or forms of protection having equivalent or similar effect to any of the foregoing which shall subsist anywhere in the world.

*Cho mục đích của khoản 8 này, "quyền sở hữu trí tuệ" có nghĩa là bằng sáng chế, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền thiết kế, bản quyền, thông tin mật, quyền đối với bí quyết và các quyền sở hữu trí tuệ khác, trong từng trường hợp dù đã đăng kí hay chưa đăng kí và bao gồm cả các hồ sơ xin cấp bất kì quyền nào ở trên và tất cả các quyền hoặc hình thức bảo vệ có tác dụng tương đương hoặc tương tự với bất kì quyền nào ở trên mà sẽ tồn tại ở bất kì đâu trên thế giới.*

## **9 DATA PROTECTION**

### ***BẢO VỆ DỮ LIỆU***

BSI processes and stores the Customer's personal data in accordance with BSI's privacy policy at <https://www.bsigroup.com/>.

*BSI xử lí và lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách Hàng theo chính sách quyền riêng tư của BSI tại <https://www.bsigroup.com/>.*

## **10 LIMITATION OF LIABILITY**

### ***GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM***

- 10.1 Nothing in this Agreement limits or exclude, liability for:

*Không có nội dung nào trong Thỏa Thuận này giới hạn hoặc loại trừ trách nhiệm đối với:*

- (a) death or personal injury caused by BSI's negligence;

*trường hợp tử vong hoặc thương tật cá nhân gây ra bởi sự sơ suất của BSI;*

- (b) fraud or fraudulent misrepresentation; and

*sự gian lận hoặc kê khai gian dối; và*

- (c) any liability which cannot legally be limited or excluded.

*bất kì trách nhiệm nào mà không thể bị giới hạn hoặc loại trừ một cách hợp pháp.*

- 10.2 Subject to clause 10.1, BSI shall only be liable to the Customer for losses which the Customer suffers as a direct result of BSI's breach of these Terms and which are reasonably foreseeable. A loss is



foreseeable if either it is obvious that it will happen or if, at the time the contract was made, both BSI and the Customer knew it might happen, for example, if the Customer discussed it with BSI during the sales process. BSI shall not be liable for any other losses.

*Tùy thuộc vào quy định tại khoản 10.1, BSI chỉ phải chịu trách nhiệm với Khách Hàng đối với những tổn thất mà Khách Hàng phải gánh chịu như một hậu quả trực tiếp của việc BSI vi phạm Các Điều Khoản này và những tổn thất mà có thể thấy trước một cách hợp lí. Một tổn thất là có thể thấy trước nếu hoặc tổn thất đó hiển nhiên sẽ xảy ra hoặc nếu, tại thời điểm hợp đồng được tạo lập, cả BSI và Khách Hàng đã biết tổn thất đó có thể xảy ra, ví dụ, nếu Khách Hàng đã thảo luận về tổn thất này với BSI trong quá trình bán hàng. BSI không phải chịu trách nhiệm cho bất kì tổn thất nào khác.*

- 10.3 Subject to clause 10.1, BSI's liability to the Customer (for all claims in aggregate) for claims made in contract (including under any indemnity or warranty), in tort (including negligence), for breach of statutory duty, or otherwise, arising under or in connection with the Agreement shall not exceed the total Charges paid or payable by the Customer for the Training.

*Tùy thuộc vào quy định tại khoản 10.1, trách nhiệm của BSI với Khách Hàng (tính chung cho tất cả các yêu cầu) đối với các yêu cầu được đưa ra trong hợp đồng (bao gồm theo bất kì điều khoản bồi hoàn hoặc bảo đảm nào), ngoài hợp đồng (bao gồm cả sự sơ suất), đối với vi phạm trách nhiệm theo luật định, hoặc hình thức khác, phát sinh theo hoặc liên quan đến Thỏa Thuận sẽ không vượt quá toàn bộ Các Khoản Phí mà Khách Hàng đã trả hoặc phải trả cho Khóa Đào Tạo.*

- 10.4 If the Customer is not a consumer (i.e. purchasing the Training in the course of business, trade or profession), BSI shall not have any liability to the Customer, whether in contract (including under any indemnity or warranty), in tort (including negligence), for breach of statutory duty, or otherwise, arising under or in connection with this Agreement for: (a) loss of profit; (b) loss of revenue; (c) loss of anticipated savings; (d) loss, destruction or corruption of data; (e) loss of contract, business or opportunity; (f) loss of opportunity, goodwill or reputation; (g) business interruption; (h) wasted expenditure; and (i) any indirect or consequential loss or damage of any kind howsoever arising.

*Nếu Khách Hàng không phải là người tiêu dùng (nghĩa là mua Khóa Đào Tạo trong quá trình kinh doanh, thương mại hay làm việc), BSI sẽ không có bất kì trách nhiệm nào đối với Khách Hàng, dù là trong hợp đồng (bao gồm theo bất kì điều khoản bồi hoàn hoặc bảo đảm nào), ngoài hợp đồng (bao gồm cả sự sơ suất), đối với vi phạm trách nhiệm theo luật định, hoặc hình thức khác, phát sinh theo hoặc liên quan đến Thỏa Thuận này đối với: (a) tổn thất lợi nhuận; (b) mất doanh thu; (c) mất các khoản tiết kiệm dự kiến; (d) mất mát, phá hủy hoặc sai lệch dữ liệu; (e) mất hợp đồng, tổn thất trong kinh doanh hoặc mất cơ hội; (f) mất cơ hội, sự tín nhiệm hoặc uy tín; (g) gián đoạn kinh doanh; (h) các khoản chi tiêu lãng phí; và (i) bất kì tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp hoặc mang tính hậu quả nào của bất kì hình thức phát sinh nào.*

- 10.5 This clause 10 shall survive termination of the Agreement.  
*Khoản 10 này sẽ vẫn tồn tại kể cả khi Thỏa Thuận chấm dứt.*

## 11 CONFIDENTIALITY

### **BẢO MẬT**

- 11.1 Each party may be given access to confidential information from the other party in order to perform its obligations under the Agreement. A party's confidential information shall not be deemed to include information that:

*Mỗi bên có thể được cấp quyền truy cập vào thông tin mật từ bên kia để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận. Thông tin mật của một bên sẽ không được xem là bao gồm thông tin mà:*

- (a) is or becomes publicly known other than through any act or omission of the receiving party; *được biết hoặc trở nên được biết một cách công khai ngoại trừ thông qua bất kì hành động hoặc sự thiếu sót nào của bên nhận;*
- (b) was in the other party's lawful possession before the disclosure; *đã thuộc sở hữu hợp pháp của bên kia trước khi tiết lộ;*
- (c) is lawfully disclosed to the receiving party by a third party without restriction on disclosure; or *được tiết lộ cho bên nhận một cách hợp pháp bởi một bên thứ ba mà không bị hạn chế tiết lộ;* hoặc
- (d) is independently developed by the other party, which independent development can be shown by written evidence.

*được phát triển một cách độc lập bởi bên kia, sự phát triển độc lập này có thể được chứng minh bởi bằng chứng bằng văn bản.*

- 11.2 Subject to clause 11.3, each party shall hold the other's confidential information in confidence and not

make the other's confidential information available to any third party, or use the other's confidential information for any purpose other than the implementation of the Agreement.

*Tùy thuộc vào quy định tại khoản 11.3, mỗi bên phải giữ bí mật thông tin mật của bên kia và không cung cấp thông tin mật của bên kia cho bất kì bên thứ ba nào, hoặc sử dụng thông tin mật của bên kia cho bất kì mục đích nào ngoài việc thực hiện Thỏa Thuận.*

- 11.3 A party may disclose confidential information to the extent such confidential information is required to be disclosed by law, by any governmental or other regulatory authority or by a court or other authority of competent jurisdiction, provided that, to the extent it is legally permitted to do so, it gives the other party as much notice of such disclosure as possible and, where notice of disclosure is not prohibited and is given in accordance with this clause 11.3, it takes into account the reasonable requests of the other party in relation to the content of such disclosure.

*Một bên có thể tiết lộ thông tin mật trong phạm vi thông tin mật đó được yêu cầu tiết lộ bởi pháp luật, bởi bất kì cơ quan nhà nước hoặc cơ quan quản lí khác hoặc bởi một tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền tài phán khác, với điều kiện là, trong phạm vi bên đó được phép làm như vậy một cách hợp pháp, bên đó cung cấp cho bên kia nhiều nhất có thể thông báo về việc tiết lộ này và, trường hợp thông báo về việc tiết lộ không bị cấm và được đưa ra theo khoản 11.3 này, bên đó cần nhắc các yêu cầu hợp lí của bên kia liên quan đến nội dung của việc tiết lộ này.*

- 11.4 The Customer acknowledges that its information may be used by BSI on an anonymous basis including without limitation compiling and publishing reports.

*Khách Hàng thừa nhận rằng thông tin của mình có thể được BSI sử dụng trên cơ sở ẩn danh bao gồm nhưng không giới hạn việc tổng hợp và công bố các báo cáo.*

- 11.5 The above provisions of this clause 11 shall survive termination of the Agreement, however arising.

*Các quy định trên của khoản 11 này sẽ vẫn tồn tại kể cả khi Thỏa Thuận chấm dứt, dù phát sinh như thế nào.*

## **12 TERMINATION**

### **CHẤM DỨT**

- 12.1 BSI may terminate the Agreement immediately in the following circumstances:

*BSI có thể chấm dứt Thỏa Thuận ngay lập tức trong các trường hợp sau:*

- (a) the Customer does not, within a reasonable time of BSI requesting, provide BSI with information that is necessary to provide the Training;

*Khách Hàng không, trong một khoảng thời gian hợp lí kể từ khi BSI yêu cầu, cung cấp cho BSI thông tin cần thiết để cung cấp Khóa Đào Tạo;*

- (b) the Customer commits a material breach of any term of the Agreement which breach is irremediable or (if such breach is remediable) fails to remedy that breach within a period of 30 calendar days after being notified in writing to do so;

*Khách Hàng vi phạm nghiêm trọng bất kì điều khoản nào của Thỏa Thuận mà vi phạm đó là không thể khắc phục hoặc (nếu vi phạm đó có thể khắc phục) không khắc phục được vi phạm đó trong thời hạn 30 ngày dương lịch sau khi được thông báo bằng văn bản để khắc phục;*

- (c) the Customer does not, on the agreed date or timeframe, allow BSI to provide the Training;

*Khách Hàng không, vào ngày hoặc khung thời gian đã thỏa thuận, cho phép BSI cung cấp Khóa Đào Tạo;*

- (d) the Customer takes any step or action in connection with its entering administration, provisional liquidation, bankruptcy or any composition or arrangement with its creditors (other than in relation to a solvent restructuring), being wound up (whether voluntarily or by order of the court, unless for the purpose of a solvent restructuring), having a receiver appointed to any of its assets or ceasing to carry on business or, if the step or action is taken in another jurisdiction, in connection with any analogous procedure in the relevant jurisdiction;

*Khách Hàng thực hiện bất kì biện pháp hoặc hành động nào liên quan đến việc quản lí tài sản do mất khả năng thanh toán, thanh lí tạm thời, phá sản hoặc bất kì thỏa thuận xin giảm nợ hoặc thỏa thuận nào với các chủ nợ của mình (ngoại trừ liên quan đến tái cấu trúc khả năng thanh toán), bị giải thể (cho dù tự nguyện hay theo lệnh của tòa án, trừ khi vì mục đích tái cấu trúc khả năng thanh toán), có một người quản lí tài sản được chỉ định đối với bất kì tài sản nào của Khách Hàng hoặc ngừng hoạt động kinh doanh hoặc, nếu có biện pháp hoặc hành động được thực hiện theo một thẩm quyền tài phán khác, liên quan đến bất kì thủ tục tương tự nào theo thẩm quyền tài phán liên quan;*

- (e) the other party suspends, or threatens to suspend, or ceases or threatens to cease to carry on all or a substantial part of its business; or  
*bên kia tạm ngừng, hoặc có nguy cơ tạm ngừng, hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện toàn bộ hoặc một phần trọng yếu của hoạt động kinh doanh của mình; hoặc*
- (f) the Customer does not, if required, allow BSI to access the agreed location for the In-House Training to provide the Training.  
*Khách Hàng không, nếu được yêu cầu, cho phép BSI tiếp cận địa điểm đã thỏa thuận cho Khóa Đào Tạo **tại Doanh nghiệp** để cung cấp Khóa Đào Tạo.*

12.2 The Customer may terminate the Agreement in the following circumstances:

*Khách Hàng có thể chấm dứt Thỏa Thuận trong các trường hợp sau:*

- (a) if the Training purchased was misdescribed (however, the Customer may alternatively choose to get the Training re-performed or to get some or all of the Charges back);  
*nếu Khóa Đào Tạo đã mua bị mô tả không đúng (tuy nhiên, Khách Hàng có thể chọn để Khóa Đào Tạo được thực hiện lại hoặc nhận lại một số hoặc tất cả Các Khoản Phí);*
- (b) if BSI has informed the Customer of an upcoming change to the Training or these Terms which the Customer does not agree with (see clause 15.1 (*Variation*));  
*nếu BSI đã thông báo cho Khách Hàng về thay đổi sắp tới đối với Khóa Đào Tạo hoặc Các Điều Khoản này mà Khách Hàng không đồng ý với thay đổi đó (xem khoản 15.1 (Thay Đổi));*
- (c) BSI has told the Customer about a mistake in the Charges for the Training the Customer has purchased and the Customer does not wish to proceed (see clause 6.6 (*Charges and payment*));  
*BSI đã thông báo cho Khách Hàng về sai sót đối với Các Khoản Phí cho Khóa Đào Tạo mà Khách Hàng đã mua và Khách Hàng không muốn tiếp tục (xem khoản 6.6 (Các Khoản Phí và thanh toán));*
- (d) there is a risk that performance of the Training may be significantly delayed because of events outside the control of BSI; and  
*có rủi ro rằng việc thực hiện Khóa Đào Tạo có thể bị trì hoãn đáng kể do các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của BSI; và*
- (e) BSI has notified the Customer that it has suspended supply of the Training; or  
*BSI đã thông báo cho Khách Hàng rằng BSI đã tạm ngừng cung cấp Khóa Đào Tạo; hoặc*
- (f) if it wishes to exercise its right to cancel the Agreement in accordance with clause 7.  
*nếu Khách Hàng muốn thực hiện quyền của mình để hủy bỏ Thỏa Thuận theo khoản 7.*

12.3 Without affecting any other right or remedy available to it, BSI may terminate the Agreement with immediate effect by giving written notice to the Customer if the Customer fails to pay any amount due under the Agreement on the due date for payment. If BSI terminates the Agreement for this reason, BSI will refund any Charges paid in advance where the Training and Training Materials have not been provided, but BSI may deduct or charge the Customer reasonable compensation for the net costs incurred by BSI as a result of the Customer breaching the terms of the Agreement.

*Không ảnh hưởng đến bất kì quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác có thể có đối với mình, BSI có thể chấm dứt Thỏa Thuận với hiệu lực ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng nếu Khách Hàng không thanh toán bất kì khoản tiền nào đến hạn theo Thỏa Thuận vào ngày đến hạn thanh toán. Nếu BSI chấm dứt Thỏa Thuận vì lí do này, BSI sẽ hoàn trả bất kì Các Khoản Phí nào đã thanh toán trước đó nếu Khóa Đào Tạo và Tài Liệu Đào Tạo chưa được cung cấp, nhưng BSI có thể khấu trừ hoặc tính tiền bồi thường hợp lí đối với Khách Hàng cho các chi phí rỗng mà BSI phải gánh chịu do Khách Hàng vi phạm các điều khoản của Thỏa Thuận.*

## 13 CONSEQUENCES OF TERMINATION

### HẬU QUẢ CỦA VIỆC CHẤM DỨT

13.1 Where BSI terminates the Agreement in accordance with clause 12.1:

*Trường hợp BSI chấm dứt Thỏa Thuận theo khoản 12.1:*

- (a) the Customer shall return, destroy and delete (as applicable) all the Training Materials that had been provided by BSI; and  
*Khách Hàng phải hoàn trả, hủy và xóa (nếu có) tất cả Tài Liệu Đào Tạo đã được cung cấp bởi BSI; và*
- (b) the licence under clause 8.1 shall terminate.  
*quyền được cấp theo khoản 8.1 sẽ chấm dứt.*

- 13.2 On termination or expiry of the Agreement for any reason, any provision of the Agreement that expressly or by implication is intended to come into or continue in force on or after termination of the Agreement shall remain in full force and effect.

*Vào ngày chấm dứt hoặc hết hạn của Thỏa Thuận vì bất kì lí do gì, bất kì quy định nào của Thỏa Thuận mà một cách rõ ràng hoặc ngụ ý là có hiệu lực hoặc tiếp tục có hiệu lực vào hoặc sau khi chấm dứt Thỏa Thuận sẽ vẫn có đầy đủ hiệu lực.*

- 13.3 Termination of the Agreement shall not affect any of the rights, remedies, obligations or liabilities of the parties that have accrued up to the date of termination, including the right to claim damages in respect of any breach of the Agreement which existed at or before the date of termination.

*Sự chấm dứt của Thỏa Thuận sẽ không ảnh hưởng đến bất kì các quyền, biện pháp khắc phục, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của các bên mà đã tích lũy tính đến ngày chấm dứt, bao gồm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến bất kì vi phạm nào đối với Thỏa Thuận mà đã tồn tại vào hoặc trước ngày chấm dứt.*

## **14 FORCE MAJEURE**

### ***BẤT KHẢ KHÁNG***

BSI shall have no liability to the Customer under the Agreement if it is prevented from or delayed in performing its obligations under the Agreement, or from carrying on its business, by acts, events, omissions or accidents beyond its reasonable control, including, without limitation, strikes, lock-outs or other industrial disputes (whether involving the workforce of BSI or any other party), pandemics or epidemics, failure of a utility service or transport or telecommunications network, act of God, war, riot, civil commotion, malicious damage, compliance with any law or governmental order, rule, regulation or direction, accident, breakdown of plant or machinery, fire, flood, storm or default of suppliers or sub-contractors, provided that the Customer is notified of such an event as soon as practicable, and its expected duration.

*BSI không phải chịu trách nhiệm đối với Khách Hàng theo Thỏa Thuận nếu BSI bị cản trở hoặc bị trì hoãn trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận hoặc thực hiện hoạt động kinh doanh của mình, bởi các hành vi, sự kiện, sự thiếu sót hoặc tai nạn nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lí của BSI, bao gồm nhưng không giới hạn, đình công, bế xưởng hoặc các tranh chấp công nghiệp khác (dù liên quan đến lực lượng lao động của BSI hoặc bất kì bên nào khác), đại dịch hoặc dịch bệnh, sự cố của một dịch vụ tiện ích hoặc mạng lưới giao thông hoặc viễn thông, thiên tai, chiến tranh, bạo loạn, bạo động dân sự, cố ý gây thiệt hại, tuân thủ bất kì luật hoặc lệnh, quy tắc, quy định hoặc hướng dẫn của cơ quan nhà nước, tai nạn, sự cố của nhà máy hoặc máy móc, hỏa hoạn, lũ lụt, bão hoặc sai sót của các nhà cung cấp hoặc các nhà thầu phụ, với điều kiện là Khách Hàng được thông báo về sự kiện đó sớm nhất có thể, và thời gian kéo dài dự kiến của các sự kiện đó.*

## **15 VARIATION**

### ***THAY ĐỔI***

- 15.1 BSI reserves the right to amend the Agreement if necessary to comply with any applicable law or regulatory requirement, or if the amendment will not materially affect the nature or quality of the Training. In these circumstances, BSI shall notify the Customer and explain the changes. A copy of the updated version of the Terms can be found on the BSI website or is available on request from BSI.

*BSI bảo lưu quyền sửa đổi Thỏa Thuận nếu cần thiết để tuân thủ bất kì pháp luật áp dụng hoặc yêu cầu quản lí nào, hoặc nếu việc sửa đổi sẽ không ảnh hưởng nghiêm trọng đến bản chất hoặc chất lượng của Khóa Đào Tạo. Trong những trường hợp này, BSI sẽ thông báo cho Khách Hàng và giải thích những thay đổi. Một bản sao của phiên bản cập nhật của Các Điều Khoản có thể được tìm thấy trên trang web của BSI hoặc có sẵn theo yêu cầu từ BSI.*

- 15.2 Subject to clause 15.1, no variation of the Agreement shall be effective unless it is in writing and signed by BSI and the Customer (or their authorised representatives).

*Tùy thuộc vào quy định tại khoản 15.1, không có sự thay đổi nào của Thỏa Thuận sẽ có hiệu lực trừ khi nó được lập thành văn bản và được kí bởi BSI và Khách Hàng (hoặc những Học viên có thẩm quyền của họ).*

## **16 WAIVER**

### ***TỪ BỎ***

No failure or delay by a party to exercise any right or remedy provided under the Agreement or by law

shall constitute a waiver of that or any other right or remedy, nor shall it prevent or restrict the further exercise of that or any other right or remedy. No single or partial exercise of such right or remedy shall prevent or restrict the further exercise of that or any other right or remedy.

*Việc một bên không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện bất kì quyền hoặc biện pháp khắc phục nào theo Thỏa Thuận hoặc theo pháp luật sẽ không cấu thành sự từ bỏ quyền hoặc biện pháp khắc phục đó hoặc bất kì quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác, cũng như không ngăn cản hoặc hạn chế bên đó thực hiện thêm quyền hoặc biện pháp khắc phục đó hoặc bất kì quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác. Việc thực hiện đơn lẻ hoặc một phần quyền hoặc biện pháp khắc phục đó sẽ không ngăn cản hoặc hạn chế việc thực hiện thêm quyền hoặc biện pháp khắc phục đó hoặc bất kì quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác.*

## **17 SEVERANCE**

### **HIỆU LỰC TỪNG PHẦN**

If any provision or part-provision of the Agreement is or becomes invalid, illegal or unenforceable, it shall be deemed deleted, but that shall not affect the validity and enforceability of the rest of the Agreement.

*Nếu bất kì quy định hoặc một phần quy định nào của Thỏa Thuận là hoặc trở nên không có hiệu lực, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành, thì quy định hoặc một phần quy định đó sẽ được xem là bị xóa bỏ, nhưng điều đó sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thi hành của phần còn lại của Thỏa Thuận.*

## **18 ENTIRE AGREEMENT**

### **TOÀN BỘ THỎA THUẬN**

- 18.1 The Agreement shall constitute the entire agreement between the parties and supersedes and extinguishes all previous agreements, promises, assurances, warranties, representations and understandings between them, whether written or oral, relating to its subject matter.

*Thỏa Thuận sẽ cấu thành toàn bộ thỏa thuận giữa các bên và thay thế và hủy bỏ tất cả các thỏa thuận, lời hứa, cam đoan, đảm bảo, tuyên bố và các ghi nhớ giữa các bên, dù bằng văn bản hay lời nói, liên quan đến đối tượng của Thỏa Thuận.*

- 18.2 Each party acknowledges that in entering into the Agreement it does not rely on, and shall have no remedies in respect of, any statement, representation, assurance or warranty (whether made innocently or negligently) that is not set out in the Agreement.

*Mỗi bên thừa nhận rằng khi giao kết Thỏa Thuận, mỗi bên không phụ thuộc vào, và sẽ không có biện pháp khắc phục đối với bất kì bày tỏ, tuyên bố, cam đoan hoặc đảm bảo nào (được đưa ra dù vô tình hay sơ suất) không được nêu trong Thỏa Thuận.*

## **19 ASSIGNMENT AND SUBCONTRACTING**

### **CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KÍ HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ**

- 19.1 The Customer shall not, without the prior written consent of BSI, assign, transfer, charge, sub-contract or deal in any other manner with all or any of its rights or obligations under the Agreement, such consent may be withheld in BSI's sole discretion.

*Khách Hàng không được, nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của BSI, chuyển nhượng, chuyển giao, tính phí, kí hợp đồng thầu phụ hoặc giao dịch dưới bất kì hình thức nào khác đối với tất cả hoặc bất kì quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Thỏa Thuận, sự đồng ý đó có thể không được đưa ra theo quyết định riêng của BSI.*

- 19.2 BSI may at any time assign, transfer, charge, sub-contract or deal in any other manner with all or any of its rights or obligations under the Agreement.

*BSI tại bất kì thời điểm nào có thể chuyển nhượng, chuyển giao, tính phí, kí hợp đồng thầu phụ hoặc giao dịch dưới bất kì hình thức nào khác đối với tất cả hoặc bất kì quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Thỏa Thuận.*

## **20 NO PARTNERSHIP OR AGENCY**

### **KHÔNG ĐỐI TÁC HOẶC ĐẠI LÝ**

Nothing in the Agreement is intended to or shall operate to create a partnership between the parties, or authorise either party to act as agent for the other, and neither party shall have the authority to act in the name or on behalf of or otherwise to bind the other in any way including, but not limited to, the making of any representation or warranty, the assumption of any obligation or liability and the

exercise of any right or power.

*Không có nội dung nào trong Thỏa Thuận nhằm mục đích hoặc sẽ hoạt động để tạo thành mối quan hệ đối tác giữa các bên hoặc ủy quyền cho một trong hai bên làm đại lý cho bên kia và không bên nào có quyền hành động nhân danh hoặc thay mặt hoặc bằng cách khác để ràng buộc bên kia theo bất kì cách nào bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đưa ra bất kì tuyên bố hoặc bảo đảm nào, nhận bất kì nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào và việc thực hiện bất kì quyền hoặc quyền hạn nào.*

## 21 LANGUAGES

### NGÔN NGỮ

These Terms are only available in English. No other languages will apply to these Terms or any agreements.

*Các Điều Khoản này chỉ sử dụng bằng tiếng Anh. Không có ngôn ngữ nào khác sẽ áp dụng cho Các Điều Khoản này hoặc bất kì thỏa thuận nào.*

## 22 THIRD PARTY RIGHTS

### QUYỀN BÊN THỨ BA

The Agreement does not confer any rights on any person or party (other than the parties to the Agreement and, where applicable, their successors and permitted assigns).

*Thỏa Thuận không trao bất kì quyền nào cho bất kì người hoặc bên nào (ngoài các bên của Thỏa Thuận và, nếu có, những người kế thừa và bên nhận chuyển nhượng được phép của các bên).*

## 23 NOTICES

### THÔNG BÁO

23.1 Any notice required to be given under the Agreement shall be in writing and shall be delivered by hand or sent by post or email to the other party at its address set out in the Booking Form, or such other address as may have been notified by that party for such purposes.

*Bất kì thông báo nào được yêu cầu đưa ra theo Thỏa Thuận phải được lập thành văn bản và phải được giao tận tay hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc email cho bên kia theo địa chỉ của bên đó được nêu trong Mẫu Đăng Ký, hoặc địa chỉ khác có thể đã được thông báo bởi bên đó cho các mục đích này.*

23.2 A correctly addressed notice sent by pre-paid first-class (or equivalent) post or recorded delivery post shall be deemed to have been received at the time at which it would have been delivered in the normal course of post. A notice sent by email shall be deemed to have been received at the time of transmission (as shown by the time sent in respect of an email).

*Một thông báo có thông tin bên nhận chính xác được gửi qua bưu điện loại hạng nhất (hoặc tương đương) trả trước hoặc chuyển phát bảo đảm sẽ được xem là đã được nhận vào thời điểm mà lẽ ra thông báo đó được chuyển phát theo cách thông thường. Một thông báo được gửi qua email sẽ được xem là đã được nhận tại thời điểm truyền gửi email (được thể hiện bởi thời gian gửi đối với email).*

## 24 GOVERNING LAW

### LUẬT ĐIỀU CHỈNH

The Agreement and any dispute or claim arising out of or in connection with it or its subject matter or formation (including non-contractual disputes or claims) shall be governed by and construed in accordance with the law of England and Wales. The interpretation of legislation to include subordinate, amended or re-enacted legislation is not implied so should be specified.

*Thỏa Thuận và bất kì tranh chấp hoặc yêu cầu phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa Thuận hoặc đối tượng hoặc sự hình thành của Thỏa Thuận (bao gồm cả các tranh chấp hoặc yêu cầu ngoài hợp đồng) sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật của Anh và xứ Wales. Việc giải thích luật để bao gồm văn bản dưới luật, sửa đổi hoặc ban hành lại sẽ không được ngụ ý nên cần được quy định cụ thể.*

## 25 JURISDICTION

### QUYỀN TÀI PHÁN

Each party irrevocably agrees that the courts of London shall have exclusive jurisdiction to settle any dispute or claim arising out of or in connection with the Agreement or its subject matter or formation (including non-contractual disputes or claims).

*Mỗi bên đồng ý không hủy ngang rằng tòa án London sẽ có thẩm quyền duy nhất để giải quyết bất kì tranh chấp hoặc yêu cầu nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa Thuận hoặc đối tượng hoặc sự*

hình thành của Thỏa Thuận (bao gồm cả các tranh chấp hoặc yêu cầu ngoài hợp đồng).

## 26 RIGHTS OF THIRD PARTIES

### **QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA**

A person who is not a Party to this Agreement shall have no rights pursuant to the Contracts (Rights of Third Parties) Act 1999 to enforce rights or benefits under these Terms or any Agreement entered into between BSI and the Customer.

*Một người không phải là một Bên của Thỏa Thuận này sẽ không có quyền theo Đạo Luật Hợp Đồng (Quyền của Bên Thứ Ba) năm 1999 để thực hiện các quyền hoặc lợi ích theo Các Điều Khoản này hoặc bất kì Thỏa Thuận nào được kí kết giữa BSI và Khách Hàng.*

## 27 CONSUMER RIGHTS ACT

### **ĐẠO LUẬT QUYỀN NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Where the Customer is a consumer (i.e. not purchasing the Training in the course of business, trade or profession) and any provision or part-provision is found to be unfair for the purposes of the Consumer Rights Act 2015, then that provision or part-provision shall be read down to ensure it is not unfair. If it is not possible to read down that provision or part-provision, then clause 17 (*Severance*) will apply.

*Khi Khách Hàng là người tiêu dùng (nghĩa là không mua Khóa Đào Tạo trong quá trình kinh doanh, thương mại hay làm việc) và bất kì quy định hoặc một phần của quy định nào được xem là không công bằng cho các mục đích của Đạo Luật Quyền Người Tiêu Dùng 2015, thì quy định hoặc một phần của quy định đó sẽ không còn hiệu lực để đảm bảo nó không phải là không công bằng. Nếu quy định hoặc một phần của quy định đó không thể không còn hiệu lực, thì khoản 17 (Hiệu Lực Từng Phần) sẽ áp dụng.*

## **Territory-specific Terms for Vietnam**

### **Các Điều Khoản riêng theo Lãnh Thổ đối với Việt Nam**

Where the Customer is in Vietnam, the following provisions shall apply in place of the above provisions:

*Trường hợp Khách Hàng ở Việt Nam, các quy định sau sẽ được áp dụng thay cho các quy định trên:*

**2 Public Training Booking Form** refers to the electronic document found online for booking Public Training. In the absence of other documentation, a Public Training Booking Form may also take the form of a 'course enrolment form'.

**Mẫu Đăng Kí Khóa Đào Tạo Mở rộng** để cập đến văn bản điện tử trực tuyến để đăng kí Khóa Đào Tạo Mở rộng. Trong trường hợp không có tài liệu khác, Mẫu Đăng Kí Đào Tạo Mở rộng cũng có thể ở dạng 'mẫu đăng kí tham gia khóa đào tạo'.

**7.1 Public Training.** The Customer may cancel its registration for a Public Training for a full refund by giving no less than 7 calendar days' written notice to BSI before the start date of Public Training. The Customer shall pay BSI the full fees for any Public Training cancelled on less than 7 calendar days' written notice.

**Khoá Đào Tạo Mở rộng.** Khách Hàng có thể hủy đăng kí Khóa Đào Tạo Mở rộng để được hoàn lại toàn bộ tiền bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho BSI không ít hơn 7 ngày dương lịch trước ngày bắt đầu của Khóa Đào Tạo Mở rộng. Khách Hàng phải thanh toán cho BSI toàn bộ phí cho bất kì Khóa Đào Tạo Mở rộng nào bị hủy theo thông báo bằng văn bản ít hơn 7 ngày dương lịch.

**7.2 In-House Training.** The Customer may cancel or reschedule the In-House Training by giving no less than 7 calendar days' written notice to BSI before the start date of In-House Training. Where In-House Training is rescheduled, it shall be within 60 calendar days of the original start date. The Customer may substitute any Delegate by giving written notice to BSI at the email set out in the Acknowledgement E-mail. The Customer shall pay BSI the full fees for any In-House Training cancelled on less than 7 calendar days' written notice.

**Khoá Đào Tạo tại Doanh nghiệp.** Khách Hàng có thể hủy hoặc xếp lịch lại cho Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho BSI không ít hơn 7 ngày dương lịch trước ngày bắt đầu của Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp. Trường hợp Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp được xếp lịch lại, thời gian đó sẽ là trong vòng 60 ngày dương lịch kể từ ngày bắt đầu ban đầu. Khách Hàng có thể thay thế bất kì Học viên nào bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho BSI theo địa chỉ email được nêu trong Email Ghi nhận. Khách Hàng phải thanh toán cho BSI toàn bộ phí cho bất kì Khóa Đào Tạo tại Doanh nghiệp

*nghiệp* nào bị hủy theo thông báo bằng văn bản ít hơn 7 ngày dương lịch.

#### **7.4 Consumer Cancellation Rights.** Not applicable

*Quyền Hủy Bỏ của Người Tiêu Dùng.* Không áp dụng

#### **21 LANGUAGES**

##### **NGÔN NGỮ**

These Terms are available in both English and Vietnamese. In case of contradiction between the languages, the English version will prevail.

*Các Điều Khoản này sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các ngôn ngữ, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.*

#### **24 GOVERNING LAW**

##### **LUẬT ĐIỀU CHỈNH**

The Agreement and any dispute or claim arising out of or in connection with it or its subject matter or formation (including non-contractual disputes or claims) shall be governed by and construed in accordance with the law of Vietnam. The interpretation of legislation to include subordinate, amended or re-enacted legislation is not implied so should be specified.

*Thỏa Thuận và bất kì tranh chấp hoặc yêu cầu phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa Thuận hoặc đối tượng hoặc sự hình thành của Thỏa Thuận (bao gồm cả các tranh chấp hoặc yêu cầu ngoài hợp đồng) sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Việc giải thích luật để bao gồm văn bản dưới luật, sửa đổi hoặc ban hành lại sẽ không được ngụ ý nên cần được quy định cụ thể.*

#### **25 JURISDICTION**

##### **QUYỀN TÀI PHÁN**

Each party irrevocably agrees that the courts of Vietnam shall have exclusive jurisdiction to settle any dispute or claim arising out of or in connection with the Agreement or its subject matter or formation (including non-contractual disputes or claims).

*Mỗi bên đồng ý không hủy ngang rằng tòa án Việt Nam sẽ có thẩm quyền duy nhất để giải quyết bất kì tranh chấp hoặc yêu cầu nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa Thuận hoặc đối tượng hoặc sự hình thành của Thỏa Thuận (bao gồm cả các tranh chấp hoặc yêu cầu ngoài hợp đồng).*

#### **26 RIGHTS OF THIRD PARTIES**

##### **QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA**

A person who is not a Party to this Agreement shall have no rights to enforce rights or benefits under these Terms or any Agreement entered into between BSI and the Customer.

*Một người không phải là một Bên của Thỏa Thuận này sẽ không có quyền để thực hiện các quyền hoặc lợi ích theo Các Điều Khoản này hoặc bất kì Thỏa Thuận nào được kí kết giữa BSI và Khách Hàng.*

#### **27 CONSUMER RIGHTS ACT**

##### **ĐẠO LUẬT QUYỀN NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Where the Customer is a consumer (i.e. not purchasing the Training in the course of business, trade or profession) and any provision or part-provision is found to be unfair for the purposes of any laws relating to consumer rights in Vietnam, then that provision or part-provision shall be read down to ensure it is not unfair. If it is not possible to read down that provision or part-provision, then clause 17 (Severance) will apply.

*Khi Khách Hàng là người tiêu dùng (nghĩa là không mua Khóa Đào Tạo trong quá trình kinh doanh, thương mại hoặc làm việc) và bất kì quy định hoặc một phần của quy định nào được xem là không công bằng cho các mục đích của bất kì pháp luật nào liên quan đến quyền người tiêu dùng ở Việt Nam, thì quy định hoặc một phần của quy định đó sẽ không còn hiệu lực để đảm bảo nó không phải là không công bằng. Nếu quy định hoặc một phần của quy định đó không thể không còn hiệu lực, thì khoản 17 (Hiệu Lực Từng Phần) sẽ áp dụng.*